

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT | FEATURE

Tiêu chuẩn đường ren: BS 21 / ISO 7-1-1994
Threated Standard: BS 21/ ISO 7-1-1994
 Áp suất làm việc: PN16 (Max. 16 Bar)
Pressure Rating: PN16 (Max. 16 Bar)
 Nhiệt độ làm việc: Max 90°C
Max. working temperature: 90°C
 Môi trường làm việc: Nước sạch
Working Flow: Fresh Water

CHẤT LIỆU | MATERIAL

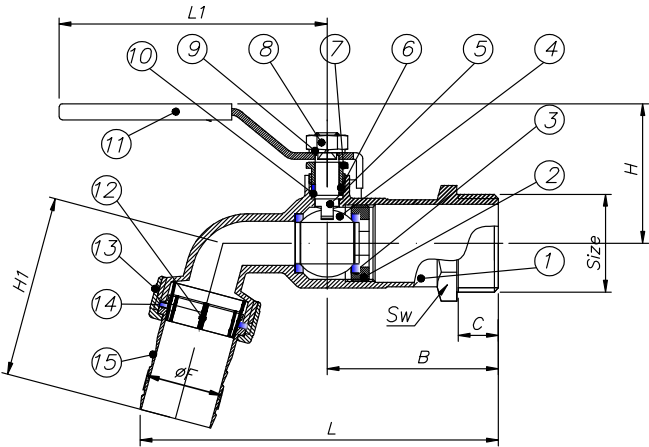
No.	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Thân vòi - Body	Đồng - Brass
2	Ốc đệm - Lock nut	Đồng - Brass
3	Gioăng bi - Seats	Teflon - PTFE
4	Bi - Ball	Đồng - Brass
5	Trục - Stem	Đồng - Brass
6	Gioăng trục - O-Ring	Teflon - PTFE
7	Ốc áp lực - Lock nut	Đồng - Brass
8	Ốc tay - Wheel nut	SuS 304- Stainless steel
9	Đệm vênh - Spring washers	SuS 304- Stainless steel
10	Đệm trục	Đồng - Brass
11	Tay gạt - lever handle	SuS 304 - Stainless steel
12	Chia nước	HDPE
13	Rắc co - Union	Đồng - Brass
14	Gioăng - O-Ring	Cao su - NBR
15	Nối ống mềm - Head connector	Đồng - Brass



THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ van Valve size	inch mm	1/2 15	3/4 20
B (mm)		39	45.3
L (mm)		90	96
L1 (mm)		91	91
C (mm)		11.5	12
H (mm)		40	41.5
H1 (mm)		50	50.5
SW (mm)		22	26.5
ØF(mm)		15	20.5

THÔNG TIN ĐẶT HÀNG | ORDER INFORMATION



GTLT - 0015 - 16 - B1

GTL: Van vòi đồng
 Garden taps valve
 T: Nối ren
 Threated connection
 B1: Chất liệu đồng thau
 Brass material
 16: Áp suất làm việc: 16 Bar
 Pressure rate: 16 bar
 Kích thước van - Valve size:
 0015: DN15 0020: DN20